

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch
Ông Lê Việt Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2024)
Ông Đào Đức Việt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Đồng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2023)
Ông Đào Đức Việt	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2023)
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đồng	Tổng Giám đốc (Từ ngày 15 tháng 12 năm 2023)
Ông Đào Đức Việt	Tổng Giám đốc (Đến ngày 15 tháng 12 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Đồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số: 190 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024 từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.603.414.604	12.940.172.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.017.103.939	6.741.373.400
1. Tiền	111		3.017.103.939	4.241.373.400
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.099.351.602	3.789.287.144
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.451.661.497	2.359.910.120
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.994.660.813	1.419.463.024
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.626.026.440	9.914.000
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		27.002.852	-
III. Hàng tồn kho	140		660.057.000	400.311.000
1. Hàng tồn kho	141	8	660.057.000	400.311.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.826.902.063	2.009.201.370
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.089.619.869	1.311.189.611
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		737.282.194	698.011.759
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.954.431.853	34.933.645.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		713.396.372	992.455.472
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	713.396.372	992.455.472
II. Tài sản cố định	220		27.466.112.756	31.540.010.607
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.732.420.999	20.037.927.264
- Nguyên giá	222		35.681.054.553	35.681.054.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.948.633.554)	(15.643.127.289)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	11.733.691.757	11.502.083.343
- Nguyên giá	228		11.872.500.000	11.622.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.808.243)	(120.416.657)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.774.922.725	2.401.179.377
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.774.922.725	2.401.179.377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		49.557.846.457	47.873.818.370

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.899.953.823	8.808.457.515
I. Nợ ngắn hạn	310		6.899.953.823	8.808.457.515
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.189.496.506	756.841.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.000.000	17.431.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.134.714.804	852.173.593
4. Phải trả người lao động	314		982.765.740	692.789.127
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	543.648.433
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	1.830.078.553	4.344.346.283
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.732.898.220	1.601.226.645
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.657.892.634	39.065.360.855
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	42.657.892.634	39.065.360.855
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.657.892.634	7.065.360.855
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.065.360.855	3.026.907.921
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.592.531.779	4.038.452.934
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		49.557.846.457	47.873.818.370



Nguyễn Thành Đồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	40.508.302.285	29.812.631.077
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		40.508.302.285	29.812.631.077
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	26.141.783.443	18.442.242.379
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.366.518.842	11.370.388.698
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	13.708.807	1.185.587
6. Chi phí bán hàng	25	21	4.436.831.046	2.215.446.626
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	5.318.694.679	4.104.081.291
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		4.624.701.924	5.052.046.368
9. Thu nhập khác	31		550.000	394.800
10. Chi phí khác	32		31.590.741	3.500.000
11. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(31.040.741)	(3.105.200)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.593.661.183	5.048.941.168
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.001.129.404	1.010.488.234
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.592.531.779	4.038.452.934
15. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	936	1.052
16. Lợi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	510	1.052



Nguyễn Thành Đồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.593.661.183	5.048.941.168
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.323.897.851	5.882.282.292
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.708.807)	(1.185.587)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.903.850.227	10.930.037.873
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.070.275.793)	(913.615.361)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(259.746.000)	(400.311.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.172.683.043)	3.740.528.230
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.152.173.606)	(2.538.817.901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(786.950.053)	(400.779.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.537.978.268)	10.417.042.285
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(200.000.000)	(7.443.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.708.807	1.185.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(186.291.193)	(7.441.814.413)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.724.269.461)	2.975.227.872
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.741.373.400	3.766.145.528
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	3.017.103.939	6.741.373.400



Nguyễn Thành Đồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0106182582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2013 và đăng ký được thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 12 năm 2023. Vốn điều lệ của Công ty là 32.000.000.000 VND, tương ứng với 3.200.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM với mã cổ phiếu là CAR.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 77 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; và
- In ấn.

Hoạt động chính của Công ty là các loại hình giáo dục và đào tạo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u>
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất tại khu đô thị Xuân Phương và phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đô thị Xuân Phương Công ty không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Fibo Invest
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Mối quan hệ

Ảnh hưởng đáng kể
Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.203.986.202	956.189.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.813.117.737	3.285.184.400
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
Cộng	<u>3.017.103.939</u>	<u>6.741.373.400</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trung tâm phòng, chống Tai nạn Thương tích Trẻ em	1.140.038.250	1.533.640.000
Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Quốc tế Sydney	-	762.130.000
Các đối tượng khác	2.311.623.247	64.140.120
Cộng	<u>3.451.661.497</u>	<u>2.359.910.120</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ DTF Việt Nam	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn FTA	1.001.699.997	714.499.997
Công ty TNHH Tổng hợp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Ngân	459.719.136	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	-	404.963.027
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nguyên	-	300.000.000
Các đối tượng khác	33.241.680	-
Cộng	<u>2.994.660.813</u>	<u>1.419.463.024</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	<u>5.626.026.440</u>	<u>9.914.000</u>
Tạm ứng	800.066.440	-
Ký quỹ, ký cược	8.000.000	8.000.000
Phải thu đại lý (i)	4.817.960.000	-
Phải thu khác	-	1.914.000
	<u>713.396.372</u>	<u>992.455.472</u>
b) Phải thu dài hạn khác	<u>6.339.422.812</u>	<u>1.002.369.472</u>
Tạm ứng	35.150.000	35.150.000
Ký quỹ, ký cược:	678.246.372	957.305.472
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long (ii)	333.383.472	333.383.472
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Văn Phú (iii)	211.132.900	211.132.900
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hưng Phát (iv)	133.730.000	412.789.100
Cộng	<u>6.339.422.812</u>	<u>1.002.369.472</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu các đại lý tiền bán khóa học và các chương trình kỹ năng sống do đại lý thu tiền từ khách hàng.
- (ii) Khoản đặt cọc thuê Văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng số 3718/HĐCTMB/SUN SQUARE - TRIVIET ký ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn thuê 6 năm từ ngày 04 tháng 07 năm 2018.
- (iii) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16 tháng 12 năm 2016. Thời hạn hợp đồng 2 năm kể từ ngày ký và mặc nhiên ra hạn trong các năm tiếp theo nếu 2 bên không có sự thay đổi.
- (iv) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Imperia Garden, Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng số A2B+B2B/IPG/TTTM/HDT ký ngày 17 tháng 05 năm 2018, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 06 năm 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hai bên đã hết hạn hợp đồng thuê, số tiền 133.730.000 VND là khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hưng Phát tạm giữ lại để thực hiện công việc hoàn trả mặt bằng về nguyên trạng ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	660.057.000	-	400.311.000	-
Cộng	660.057.000	-	400.311.000	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.089.619.869	1.311.189.611
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.054.309.869	1.296.808.444
Các khoản khác	35.310.000	14.381.167
b) Dài hạn	3.774.922.725	2.401.179.377
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	1.340.388.886	2.041.602.150
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.267.867.171	334.958.543
Các khoản khác	166.666.668	24.618.684

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	33.364.307.103	2.316.747.450	35.681.054.553
Số cuối năm	33.364.307.103	2.316.747.450	35.681.054.553
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	14.569.250.259	1.073.877.030	15.643.127.289
Khấu hao trong năm	3.695.940.051	609.566.214	4.305.506.265
Số cuối năm	18.265.190.310	1.683.443.244	19.948.633.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	18.795.056.844	1.242.870.420	20.037.927.264
Số cuối năm	15.099.116.793	633.304.206	15.732.420.999

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 14.871.000.352 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.696.952.231 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	11.487.500.000	135.000.000	11.622.500.000
Mua trong năm	-	250.000.000	250.000.000
Số cuối năm	11.487.500.000	385.000.000	11.872.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	120.416.657	120.416.657
Khấu hao trong năm	-	18.391.586	18.391.586
Số cuối năm	-	138.808.243	138.808.243
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			-
Số đầu năm	11.487.500.000	14.583.343	11.502.083.343
Số cuối năm	11.487.500.000	246.191.757	11.733.691.757

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 135.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 60.000.000 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư vấn Hỗ trợ Giáo dục Việt Nam	343.731.556	343.731.556	148.833.778	148.833.778
Trường quay Cổ Loa	325.200.000	325.200.000	69.500.000	69.500.000
Các đối tượng khác	520.564.950	520.564.950	538.507.736	538.507.736
Cộng	1.189.496.506	1.189.496.506	756.841.514	756.841.514

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	710.488.234	1.001.129.404	786.950.053	924.667.585
Thuế thu nhập cá nhân	141.685.359	545.030.280	478.329.686	208.385.953
Các loại thuế khác	-	5.851.963	4.190.697	1.661.266
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	34.676.741	34.676.741	-
Cộng	852.173.593	1.586.688.388	1.304.147.177	1.134.714.804

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền thu trước học phí của các học viên	1.830.078.553	4.344.346.283
Cộng	1.830.078.553	4.344.346.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.142.000	52.142.000
Bảo hiểm xã hội	131.671.575	-
Phải trả phải nộp khác:	1.549.084.645	1.549.084.645
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An (i)	863.440.869	863.440.869
- Công ty Cổ phần ATK Châu Á (i)	388.600.000	388.600.000
- Ông Đặng Ngọc Trinh (i)	296.000.000	296.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.043.776	1.043.776
Cộng	1.732.898.220	1.601.226.645

Ghi chú:

- (i) Hợp tác liên doanh thực hiện dự án ATK - Khu di tích Lịch sử - Sinh thái Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên liên doanh ba bên gồm Công ty, Công ty Cổ phần ATK Châu Á và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 3,2 tỷ VND, 2,4 tỷ VND và 2,4 tỷ VND (trên tổng số vốn đầu tư dự án là 8 tỷ VND). Dự án được đăng ký thời gian hoạt động là 5 năm. Lãi/lỗ của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các bên chưa góp đủ vốn theo hợp đồng liên quan, trong năm 2023 dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa ổn định nên các bên đã có Văn bản thỏa thuận ngày 05 tháng 01 năm 2024, các bên đồng ý chưa thực hiện phân chia lãi lỗ và rủi ro theo đúng tỷ lệ góp vốn.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	32.000.000.000	3.026.907.921	35.026.907.921
Lãi trong năm	-	4.038.452.934	4.038.452.934
Số dư đầu năm nay	32.000.000.000	7.065.360.855	39.065.360.855
Lãi trong năm nay	-	3.592.531.779	3.592.531.779
Số dư cuối năm nay	32.000.000.000	10.657.892.634	42.657.892.634

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 32.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thùy Thương	8.045.000.000	25,14%	8.045.000.000	25,14%
Công ty Cổ phần Fibo Invest	7.680.000.000	24%	7.680.000.000	24%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus	4.550.000.000	14,22%	4.550.000.000	14,22%
Các cổ đông khác	11.725.000.000	36,64%	11.725.000.000	36,64%
Cộng	32.000.000.000	100%	32.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	40.508.302.285	29.812.631.077
Cộng	<u><u>40.508.302.285</u></u>	<u><u>29.812.631.077</u></u>

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đào tạo	26.141.783.443	18.442.242.379
Cộng	<u><u>26.141.783.443</u></u>	<u><u>18.442.242.379</u></u>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	750.312.600	1.931.761.700
Chi phí nhân công	11.623.638.272	9.062.949.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.323.897.851	5.882.282.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.646.421.702	6.045.240.037
Chi phí khác bằng tiền	2.553.038.743	1.839.536.374
Cộng	<u><u>35.897.309.168</u></u>	<u><u>24.761.770.296</u></u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.708.807	1.185.587
Cộng	<u><u>13.708.807</u></u>	<u><u>1.185.587</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.937.704.000	2.712.988.604
Chi phí vật liệu quản lý	-	38.375.636
Chi phí đồ dùng văn phòng	489.870.663	389.309.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.814.277	126.107.796
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	17.386.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.388.624	130.297.564
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.194.917.115	689.616.091
Cộng	5.318.694.679	4.104.081.291
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.987.633.846	1.371.498.223
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	15.737.150	25.500.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	23.965.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.325.017.091	523.518.845
Các khoản chi phí bán hàng khác	108.442.959	270.963.853
Cộng	4.436.831.046	2.215.446.626

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.593.661.183	5.048.941.168
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	29.676.741	3.500.000
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	29.676.741	3.500.000
Thu nhập tính thuế	4.623.337.924	5.052.441.168
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	924.667.585	1.010.488.234
Thuế TNDN truy thu của các năm trước (i)	76.461.819	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.001.129.404	1.010.488.234

Ghi chú:

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của năm 2020, năm 2021 và năm 2022 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 23745/QĐ-CCT-KTr2-XPVPHC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thuế quận Cầu Giấy - Cục thuế thành phố Hà Nội.

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được trừ 29.676.741 VND, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ nào cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.592.531.779	4.038.452.934
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.592.531.779	4.038.452.934
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	3.840.000	3.840.000
Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	936	1.052

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

Ghi chú:

- (i) Tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/4/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phát hành 640.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022. Tháng 01/2024, Công ty đã phát hành thành công và số cổ phiếu này đã được đăng ký giao dịch bổ sung vào ngày 01/03/2024 theo Thông báo số 512/TB-SGDGN ngày 22/02/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm 2022, 2023 là 3.840.000 cổ phiếu. Do vậy, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 1.262 VND/cổ phiếu).

24. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu liên quan tới việc sẽ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ có ảnh hưởng tới số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông Công ty	3.592.531.779	4.038.452.934
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.592.531.779	4.038.452.934
Bình quân số cổ phiếu phổ thông bao gồm cổ phiếu tiềm năng (cổ phiếu) (i)	7.040.000	3.840.000
Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	510	1.052

Ghi chú:

- (i) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành là 3.840.000 cổ phiếu;
 - Số bình quân gia quyền của cổ phiếu tiềm năng là 3.200.000 cổ phiếu sẽ được phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/04/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (i)	3.240.717.557	1.880.714.503

Ghi chú:

(i) Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại các địa điểm sau:

- Khoản thuê Văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 3718/HĐCTMB/SUN SQUARE - TRIVIET ký ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn thuê 6 năm từ ngày 04 tháng 07 năm 2018. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long. Đơn giá thuê trong năm 2023: Thuê văn phòng: 89.355.000 VND/tháng; Phí dịch vụ: 17.871.000 VND/tháng.
- Khoản thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16 tháng 12 năm 2016. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Văn Phú. Đơn giá thuê trong suốt thời gian thuê: Thuê văn phòng: 48.703.200 VND/tháng; Phí dịch vụ: 18.732.000 VND/tháng.
- Khoản thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Imperia Garden theo Hợp đồng thuê mặt bằng số A2B+B2B/IPG/TTTM/HDT ký ngày 17 tháng 05 năm 2018, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 6 năm 2018 đến ngày 24 tháng 6 năm 2023. Bên cho thuê: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hưng Phát. Đơn giá thuê từ tháng 01/2023 đến tháng 7/2023: Thuê văn phòng: 117.564.815 VND/tháng; Phí dịch vụ: 31.434.412 VND/tháng. Từ tháng 8/2023 không phát sinh chi phí do đã hết thời gian thuê và Công ty không tái ký hợp đồng.
- Khoản thuê văn phòng tại chung cư 24-T1 khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính theo Hợp đồng thuê nhà với Bà Trần Thị Ngọc Tuyết và ông Nguyễn Minh Đức. Thời hạn thuê 24 tháng từ ngày 15 tháng 6 năm 2023. Đơn giá cho thuê trong suốt thời gian thuê là 14.000.000 VND/tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.650.804.400	3.138.928.989
Từ năm thứ hai đến năm thứ ba	1.863.444.800	2.369.026.800

26. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có ký các hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Văn Phú; hợp đồng thuê nhà với Bà Trần Thị Ngọc Tuyết và ông Nguyễn Minh Đức. Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên diện tích thuê này, trong hợp đồng thuê không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên địa điểm thuê. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá là Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu. Nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai như thỏa thuận với bên cho thuê đất hoặc Cơ quan chức năng ban hành các quy định pháp luật quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê đất. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	594.000.000	392.500.000
Ông Đào Đức Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Đến ngày 15/12/2023)	369.998.720	385.012.000
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/12/2023)	26.043.000	-
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	36.000.000	278.000.000

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 50.000.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

(i) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ” thường niên năm 2023 ngày 28/04/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua việc:

Tăng vốn điều lệ thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

- + Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 3.200.000 cổ phiếu;
- + Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- + Tổng giá trị cổ phần chào bán theo mệnh giá dự kiến: 32.000.000.000 VND;
- + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu;
- + Tỷ lệ chào bán: 100%;
- + Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1;
- + Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
- + Thời gian dự kiến thực hiện phát hành: Trong năm 2023 và 2024;

- Tại Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0812/2023/NG-HĐQT ngày 08/12/2023 thông qua việc triển khai đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nhằm tăng vốn điều lệ, bổ sung:

Thông tin đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- + Ngày đăng ký cuối cùng: Ngày 25/12/2023;
- + Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 06/02/2024;
- + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 30/01/2024;
- + Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 06/02/2024.

- Tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1901/2024/NQ-HĐQT ngày 19/01/2024 về việc gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, theo đó điều chỉnh:

- + Thời gian xin gia hạn phân phối cổ phiếu: Đến hết ngày 03/04/2024;
- + Thời gian thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 12/02/2024;
- + Thời gian nhận nhận đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 18/03/2024.

Ngày 29/01/2024, Công ty cũng đã công bố thông tin bất thường theo Công văn số 29011/2024/CV-TV về việc được UBCK chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng đến hết ngày 03/04/2024.

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các cổ đông hiện hữu đã nộp tiền mua cổ phiếu với số tiền khoảng 12 tỷ VND vào tài khoản Công ty, số tiền này đang được phong tỏa trên tài khoản ngân hàng số 2171118710 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(ii) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ” thường niên năm 2023 ngày 28/04/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua việc:

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022, cụ thể:

- + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 640.000 cổ phiếu;
- + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu;
- + Tỷ lệ phát hành: 20%;
- + Tỷ lệ thực hiện quyền: 5:1;
- + Thời gian thực hiện quyền: Trong năm 2023 và 2024 sau khi được UBCKNN chấp thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 09/01/2024, Công ty thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, đồng thời báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với UBCKNN theo Công văn số 0901/2024/BC-TV, kết quả phát hành cổ phiếu như sau: Tổng số cổ phiếu đã phân phối 640.000 cổ phiếu; Tổng số cổ phiếu đang lưu hành và có quyền biểu quyết là 3.840.000.000 cổ phiếu.

Số cổ phiếu này cũng đã được đăng ký giao dịch bổ sung với ngày giao dịch chính thức là 01/03/2024 theo Thông báo số 512/TB-SGDGN ngày 22/02/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



Nguyễn Thành Đồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu